TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Công nghệ Thông tin**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 22 (2026 - 2030)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **122**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 3, tự chọn: 3)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**3**			
TH70102	Giới thiệu ngành Công nghệ Thông tin	1	15	15	0
TH70104	Kiến trúc máy tính	2	45	15	30
CB70411	Bơi lội*	1	30	0	30
TH70001	Tin học 1*	2	45	15	30
Học phần tự chọn		**3**			
TA71331	English 1	3(3,0,6)	45	45	0
TQ71321	Chinese 1	3(3,0,6)	45	45	0
HỌC KỲ 2: 23 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15, tự chọn: 8)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**15**			
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70202	Toán cao cấp	3	45	45	0
TH70106	Mạng máy tính	3	60	30	30
TH70105	Cơ sở lập trình	3	60	30	30

TN70023	Cấu trúc rời rạc	3	45	45	0
TH70002	Tin học 2*	2	60	0	60
CB70401	Giáo dục quốc phòng - An ninh (HP1) (*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục quốc phòng - An ninh (HP2) (*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục quốc phòng - An ninh (HP3) (*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục quốc phòng - An ninh (HP4) (*)	2	60	0	60
Học phần tự chọn		**8**			
PM71212	Đồ họa ứng dụng	3	60	30	30
TH70113	Thiết kế hệ thống mạng	3	60	30	30
CB70311	An toàn lao động và môi trường kỹ thuật	2	30	30	0
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0
TA71332	English 2	3	45	45	0
TQ71322	Chinese 2	3	45	45	0
CB71412	Bóng đá*	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền*	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông*	1	30	0	30
CB71410	Pickleball*	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 13, tự chọn: 8)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**13**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
PM70203	Cơ sở dữ liệu	3	60	30	30
PM70202	Kỹ thuật lập trình	3	60	30	30
PM70204	Thiết kế Web	3	60	30	30
Học phần tự chọn		**8**			

TA71333	English 3	3	45	45	0
TQ71323	Chinese 3	3	45	45	0
TH71123	Khoa học dữ liệu cơ bản	3	60	30	30
TN70003	Lập trình Python	3	60	30	30
CB71101	Môi trường và PTBV	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
CB71413	Fitness*	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ*	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật*	1	30	0	30
HỌC KỲ 4: 17 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 3)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**14**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
TH70108	Hệ quản trị CSDL	3	60	30	30
PM70205	Lập trình hướng đối tượng	3	60	30	30
TH70107	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	60	30	30
PM71204	Lập trình Windows	3	60	30	30
Học phần tự chọn		**3**			
TH71104	Định tuyến và chuyển mạch	3	60	30	30
TH71128	Hệ điều hành	3	60	30	30
TA71334	English for International Certification (*)	9	135	135	0
TQ71324	Chinese for International Certification (*)	9	135	135	0
HỌC KỲ 5: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 11, tự chọn: 9)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**11**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
TH70110	Trí tuệ nhân tạo	3	60	30	30

TH70120	Quản lý dự án CNTT	3	60	30	30
PM70207	Phát triển ứng dụng web	3	60	30	30
Học phần tự chọn		**9**			
TH71117	Công nghệ phần mềm	3	60	30	30
PM71206	Công nghệ .NET	3	60	30	30
TH71115	An ninh mạng	3	60	30	30
TN70005	Phương pháp phân tích dữ liệu cơ bản	3	60	30	30
TH71118	Công nghệ Blockchain	3	60	30	30
TN70010	Dữ liệu lớn	3	60	30	30
HỌC KỲ 6: 23 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 11, tự chọn: 12)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**11**			
CB70105	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
PM70206	Phát triển ứng dụng di động	3	60	30	30
TH70109	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	60	30	30
PM70220	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	3	60	30	30
Học phần tự chọn		**12**			
TN70012	Chuyên đề trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực	3	60	30	30
PM71215	Chuyên đề công nghệ mới	3	60	30	30
TH71111	Thị giác máy tính	3	60	30	30
TH71114	Thương mại điện tử	3	60	30	30
PM71207	Phát triển phần mềm nguồn mở	3	60	30	30
TH71108	Web API	3	60	30	30
PM70210	An toàn và bảo mật thông tin	3	60	30	30
TN71009	Robot học	3	60	30	30
HỌC KỲ 7: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 6, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**

Học phần bắt buộc		**6**			
TH70116	Thực tập tốt nghiệp	6	90	90	0
Học phần tự chọn		**0**			
HỌC KỲ 8: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 6, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**6**			
TH70117	Khóa luận tốt nghiệp	6	90	90	0
TH70118	Chuyên đề tốt nghiệp	3	60	30	30
TH70119	Công nghệ IOT và ứng dụng	3	60	30	30